

KẾT QUẢ CHỌN TẠO GIỐNG LÚA TBR225

Trần Mạnh Báo^{1*}, Trần Thị Hợp¹, Trần Thị Tiệp¹
Nguyễn Thị Nhung¹, Nguyễn Văn Hoan²

¹Tổng công ty Giống cây trồng Thái Bình (Thaibinh Seed), ²DCG - JICA - VNUA

Email*: tranmanhbao.tsc@gmail.com

Ngày gửi bài: 15.01.2016

Ngày chấp nhận: 10.09.2016

TÓM TẮT

Giống lúa TBR225 được chọn tạo từ tổ hợp lai K2/TBR27 vụ mùa 2006. K2 và TBR227 là hai giống được lựa chọn trong tập đoàn giống nhập nội từ Trung Quốc của Tổng công ty giống cây trồng Thái Bình qua nhiều năm. Các thế hệ con lai được chọn lọc liên tục theo phương pháp phả hệ từ thế hệ F2 đến thế hệ F5 và dòng lúa tốt NC7 đã được chọn ra. Dòng NC7 có thời gian sinh trưởng ngắn, dạng hình đẹp, chống chịu sâu bệnh khá tốt, năng suất cao, gạo dài, trắng, trong, cơm mềm, dẻo, thơm, ngon, hàm lượng amylose thấp (13,7%). Tiếp tục chọn lọc làm thuần, so sánh giống tại khu chọn giống của Tổng công ty cổ phần giống cây trồng Thái Bình, NC7 tỏ ra là dòng lúa rất triển vọng và được đặt tên là TBR225. Từ vụ mùa 2012 TBR225 đã tham gia khảo nghiệm DUS và VCU tại Trung tâm khảo nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón quốc gia ở miền Bắc và miền Trung. Giống lúa TBR225 cho năng suất từ 6,5 - 7,5 tấn/ha, cao hơn đối chứng Khang dân 18 (KD18) từ 3,76 - 11,44% và cao hơn so với Hương thơm 1 từ 4,87 - 15,67%. Giống lúa TBR225 đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận sản xuất thử theo Quyết định số 458/QĐ - TT - CLT ngày 08 tháng 10 năm 2013 và công nhận chính thức theo Quyết định số 202/QĐ - TT - CLT ngày 9 tháng 6 năm 2015.

Từ khóa: TBR225, NC7, K2, TBR227, Tổng công ty giống Thái Bình.

Breeding Results of Rice Variety TBR225

ABSTRACT

TBR225 rice variety was selected from K2/TBR27 cross since 2006 Autumn cropping season. The parental varieties K2 and TBR27 were selected from working collection of Thaibinh Seed introduced from China. Pedigree selection was made continuously from F2 to F5 and perspective uniform line was named NC7. NC7 line possessed various valuable characters such as short growing duration, good plant type, high disease resistance, high yielding potential, long grain with whiteness and translucence, low amylose content, and good taste quality. After a series of replicated yield trials at the breeding nursery of Thaibinh Seed, NC7 proved to be promising line and was named TBR225. TBR225 was evaluated/tested for DUS and VCU test by National Center for Plant Products and Fertilizers in northern and central regions of Vietnam since 2012 Autumn season. The average grain yield of TBR225 ranged from 6.5 to 7.5 tons/ha, 3.76 - 11.44% higher than the check variety, KD18 and 4.87 - 15.67% higher than Hương thơm 1. TBR225 was preliminarily approved for production trial according to the Decision No. 458/QĐ-TT-CLT dated November 08, 2013 and officially recognized as national variety according to the Decision No. 202/QĐ-TT-CLT dated June 09, 2015.

Keywords: New rice variety TBR225, Thaibinh Seed.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công ty cổ phần Tổng công ty giống cây trồng Thái Bình (Thaibinh Seed) là doanh nghiệp khoa học công nghệ. Trong nhiều năm qua, công ty đã tham gia nghiên cứu, khảo nghiệm và

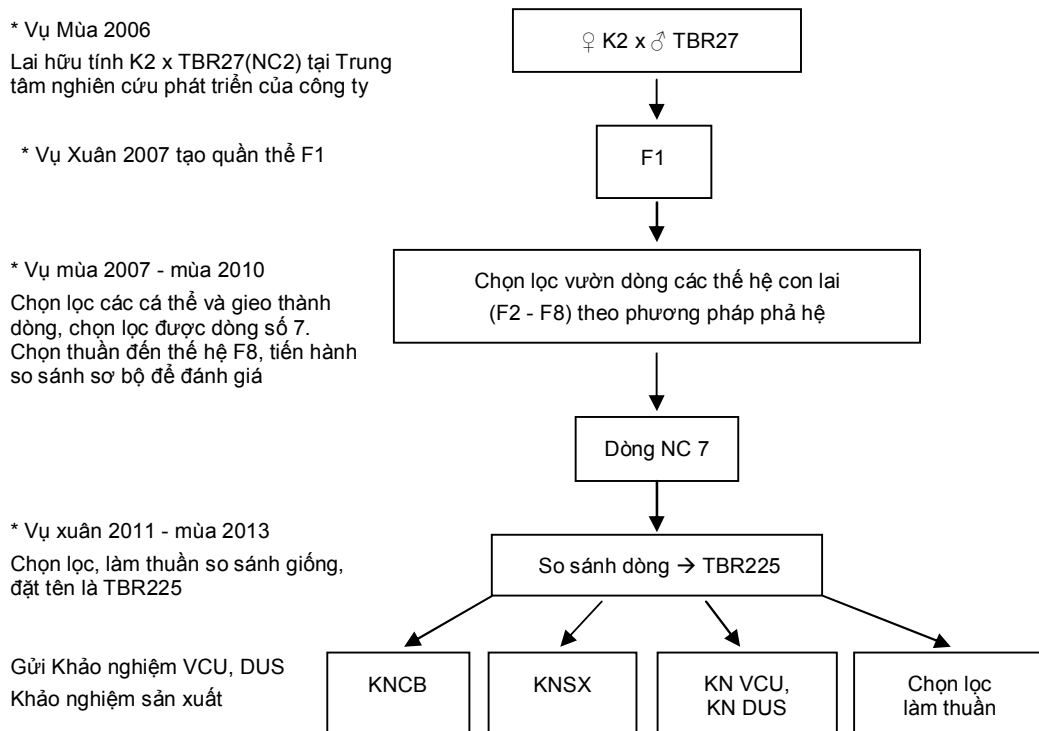
tuyển chọn thành công một số giống lúa thuần, lúa lai mới có thời gian sinh trưởng ngắn, khả năng thích ứng rộng, năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt như: TBR - 1, CNR36, TBR36. Các kết quả chọn tạo bước đầu đáp ứng được nhu cầu của nông dân và người tiêu dùng. Song song

Công ty đã chọn tạo, khảo nghiệm được một số giống lúa có phẩm chất gạo tốt, năng suất cao, đã và đang mở rộng trong sản xuất đại trà như: BC15, TBR45, Thái Xuyên 111, TBR225. Trong đó giống lúa mới TBR225 được lai tạo và chọn lọc theo định hướng giống lúa ngắn ngày có năng suất và chất lượng cao, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Trong báo cáo này trình bày vắn tắt kết quả chọn tạo giống lúa TBR225.

2. QUÁ TRÌNH CHỌN TẠO

Giống lúa K2 và TBR27 là 2 giống lúa được chọn từ bộ giống lúa nhập nội từ Trung Quốc của Công ty trong nhiều năm. Giống K2 có dạng hình đẹp, dễ nhánh khỏe, bông to, nhiều hạt; giống TBR27 dễ nhánh gọn, chống được bệnh đạo ôn vụ xuân và bệnh bạc lá vụ mùa, chất lượng gạo ngon, thơm. Tuy nhiên cả hai giống đều chưa có năng suất đạt yêu cầu. Đánh giá của chúng tôi khá phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thanh Tùng và cs. (2013) về sự đa dạng di truyền và để tạo ra giống mới thì sự tái tổ hợp các tính trạng của hai giống này có thể đáp ứng được mục tiêu.

Vụ mùa 2006, Công ty tiến hành lai hữu tính 2 giống K2 với TBR27. Vụ Xuân 2007 gieo hạt lai F1. Từ vụ mùa 2007 đến vụ xuân 2009 tiến hành chọn lọc các thế hệ con lai (F2 - F5) theo phương pháp phá hệ. Đến F5, chọn được dòng số 7 tương đối đồng nhất, có thời gian sinh trưởng ngắn, dạng hình đẹp, chống chịu sâu bệnh khá tốt, năng suất cao, chất lượng gạo ngon, cơm mềm thơm, đặt tên là NC7. Từ F6 - F8 (vụ mùa 2009 đến mùa 2010), tiến hành chọn lọc làm thuần và thực hiện các thí nghiệm so sánh giống tại khu chọn giống của Công ty. Từ vụ xuân 2011 đến vụ mùa 2013 tiến hành khảo nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất tại Thái Bình theo quy chuẩn khảo nghiệm QCVN 01 55 2011/BNNPTNT. Từ kết quả khảo nghiệm cho thấy dòng NC7 tỏ ra rất triển vọng và được đặt tên là TBR225. Giống TBR225 đã gửi khảo nghiệm quốc gia và khảo nghiệm sản xuất tại nhiều vùng sinh thái trên cả nước, đồng thời tiến hành chọn lọc làm thuần, nhân nhanh, sản xuất các cấp giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng và xác nhận phục vụ yêu cầu sản xuất. Sơ đồ quá trình chọn tạo giống TBR225 trình bày ở hình 1.



Hình 1. Sơ đồ chọn tạo giống TBR225

Năm 2013 giống TBR225 được công nhận sản xuất thử. Đã đẩy mạnh sản xuất ở các vùng sinh thái khác nhau trong hai năm 2013 - 2014 năm 2015 đã gieo cấy trên diện rộng và được công nhận là giống quốc gia.

3. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN, KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM VÀ SẢN XUẤT THỬ GIỐNG LÚA TBR225

3.1. Những đặc điểm cơ bản của giống TBR225

TBR225 là giống lúa cảm ôn, có thời gian sinh trưởng ngắn. Các đặc điểm chính của giống TBR225 được trình bày tóm tắt ở bảng 1. Trong điều kiện các tỉnh miền Bắc trong vụ Xuân thời gian sinh trưởng của giống là 120 -

135 ngày, vụ Mùa 107 - 110 ngày. Các tỉnh từ Đà Nẵng trở vào vụ Đông xuân 110 - 115 ngày, vụ Hè thu từ 100 - 105 ngày. Giống có khả năng đẻ nhánh khá, lá đứng, cứng cây, trổ bông tập trung, bông to, dài. Các đặc điểm khác như chiều cao cây, chiều dài lá đòng, chiều rộng lá đòng, chiều dài hạt gạo lật... đều biểu hiện ở mức của một giống lúa tốt. TBR225 đã tái tổ hợp được các tính trạng tốt từ bố và mẹ. Khối lượng 1.000 hạt của TBR225 đạt 23,5 - 24,0 g, trung bình 154 hạt/bông, tỷ lệ chắc khoảng 90%. Năng suất cá thể đạt 16,4 gam (ở mật độ cấy 50 khóm/m²). Hạt gạo TBR225 có chiều dài trên 6,8 mm, thuộc nhóm hạt dài, trắng trong, hàm lượng amylose thấp (13,7%), cho cơm mềm dẻo.

Bảng 1. Những đặc điểm cơ bản của giống TBR225*

Tính trạng	Đơn vị tính	Biểu hiện		
		TBR225	K2	TBR27
Chiều cao thân	cm	84,427	86,7	81,34 - 81,38
Chiều dài phiến lá giáp lá đòng	cm	43,34	46,4	46,95 - 49,17
Chiều rộng phiến lá giáp lá đòng	cm	1,798	1,46	1,48 - 1,55
Trạng thái phiến lá đòng		Thẳng	Thẳng	Thẳng
Số ngày từ gieo - chín	ngày	109	118	99 - 103
Chiều dài trục chính bông	cm	28,8	28,5	23,8 - 24,6
Thoát ổ bông		Thoát	Thoát toàn	Thoát
Thời gian tàn lá		Trung bình	Trung bình	Trung bình
Màu sắc vỏ trấu		Vàng nhạt	Vàng	Nâu
Hạt thóc: khối lượng 1.000 hạt	gam	26,05	23,4	18,5 - 20,3
Chiều dài hạt gạo lật	mm	6,81	6,5	6,35 - 6,45
Chiều rộng hạt gạo lật	mm	2,27	2,4	1,92 - 1,99
Hạt gạo lật: dạng hạt (Dài/Rộng)		3,01	2,8	3,30 - 3,31
Hạt gạo lật: màu sắc		Trắng	Trắng	Trắng
Nội nhũ: hàm lượng amylose	% ck	13,7	14,1	21,2
Hạt gạo lật: hương thơm		Thơm	Không thơm	Thơm
Chiều dài bông	cm	28,81	28,5	23,83 - 24,62
Số hạt/bông	Hạt	154,0	167,7	140,0
Số hạt chắc /bông	Hạt	133,3	150,1	122,7
Năng suất cá thể	gam	16,40	15,34	14,87

Ghi chú: * Số liệu dẫn từ kết quả khảo nghiệm DUS vụ mùa 2013 của Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón quốc gia.

3.2. Kết quả khảo nghiệm và sản xuất thử giống TBR225 ở các vùng sinh thái khác nhau

3.2.1. Khảo nghiệm VCU của TT Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón quốc gia tại miền Bắc và miền Trung

Bảng 3. Năng suất thực thu của giống TBR225 (tạ/ha)

Tên giống	Hưng Yên	Hải Phòng	Thái Bình	Thanh Hóa	Vĩnh Phúc	Quảng Nam	Phú Yên	Gia Lai
<i>Xuân 2012</i>								
TBR225	66,3	66,33	58,47	68,03				
Khang dân 18	64,1	64,97	57,0	56,77				
Hương thơm 1	56,0		50,4	55,8				
CV %	5,8	3,4	4,4	4,3				
LSD (0,05)	5,86	3,62	3,6	4,41				
<i>Xuân 2013</i>								
TBR225	70,06		66,07	60,67		71,0	70,0	73,0
Khang dân 18	66,3		54,63	56,37		64,8	63,0	67,0
Hương thơm 1								
CV%	5,0		6,9	6,7		7,8	8,16	6,3
LSD (0,05)	5,33		6,86	5,92		9,8	9,8	7,98
<i>Mùa 2012</i>								
TBR225	69,8	68,0	47,6	55,0	50,7	58,6	55,2	57,0
Khang dân 18	65,5	68,8	47,9	58,4	55,7	56,0	57,6	54,0
Hương thơm 1	62,7		44,1	51,8	45			
CV%	5,5	7,0	5,3	4,2	6,3	7,92	8,87	7,96
LSD (0,05)	5,84	7,9	4,18	3,84	5,6	7,31	8,86	8,54

Nguồn: Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón quốc gia khu vực miền Bắc và miền Trung

Bảng 4. Một số chỉ tiêu liên quan đến chất lượng của giống lúa TBR225

Chỉ tiêu	ĐVT	Giống		
		TBR225	Khang dân 18	Bắc thơm 7
Tỷ lệ gạo lật	%	80,81	81,25	78,25
Tỷ lệ gạo xát	%	72,0	73,5	69,0
Tỷ lệ gạo nguyên/gạo xát	%	73,96	76,53	66,3
Tỷ lệ trắng trong	%	46,35	47,7	11,03
Độ bạc bụng		Hơi bạc	Bạc trung bình	Bạc trung bình
Hàm lượng amylose	% CK	13,7	28,69	10,02
Chiều dài hạt	mm	6,79	5,54	5,64
Tỷ lệ dài/rộng		2,99	2,47	2,73
Nhiệt trở hồ		Trung bình	Thấp	Trung bình
Độ bền gel		Mềm	Trung bình	Mềm

Nguồn: Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón quốc gia

Bảng 5. Mức độ nhiễm sâu bệnh của giống lúa TBR225

Vụ	Tên giống	Bệnh đạo ôn lá	Đạo ôn cổ bông	Bệnh bạc lá	Bệnh khô vằn	Rầy nâu	Sâu đục thân	Sâu cuốn lá
<i>1. Tại các tỉnh miền Bắc</i>								
Xuân 2012	TBR225	1 - 2	0 - 1	0 - 1	1 - 3	0 - 1	0 - 1	0 - 1
	Khang dân	0 - 1	0 - 1	0 - 1	1 - 3	0 - 1	0 - 1	0 - 1
Mùa 2012	TBR225	3	3	5	3	1	1	1
	Khang dân	1	1	1	3	1	3	1
Xuân 2013	TBR225	1 - 3	0 - 1	1 - 3	3 - 5	1 - 3	1 - 3	1 - 3
	Khang dân	1 - 3	0 - 1	1 - 3	1 - 3	1 - 3	1 - 3	1 - 3
<i>2. Tại các tỉnh miền Trung</i>								
Hè Thu 2012	TBR225	0	0	1	0	1	0	3
	Khang dân	1	0	3	0	1	1	3
Đông Xuân 2013	TBR225	1	1	1	1	0	1	1
	Khang dân	3	1 - 3	3	1	0	1	1

Nguồn: Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón quốc gia khu vực miền Bắc và miền Trung

Từ vụ xuân 2012 đến xuân 2013, công ty đã gửi giống TBR225 tham gia mạng lưới khảo nghiệm VCU ở một số vùng tại miền Bắc và miền Trung, kết quả cho thấy giống lúa TBR225 trung hòa cả hai chỉ tiêu rất quan trọng là năng suất và chất lượng. Giống cho năng suất cao; gạo đẹp, thon, dài, ít bạc bụng; cơm thơm, ngon, mềm, dẻo. Năng suất trung bình ở các điểm khảo nghiệm đều bằng và cao hơn Khang dân, hơn hẳn so với Hương thơm 1 (Bảng 3, 4).

Theo kết quả đánh giá sở thích về gạo của người tiêu dùng của Nguyễn Trọng Khanh và Nguyễn Văn Hoan (2015) thì TBR225 được xếp vào loại gạo ngon được người tiêu dùng ưa thích.

3.2.2. Kết quả sản xuất thử

Giống TBR225 được Thaibinh Seed tiến hành sản xuất thử ở nhiều vùng sinh thái khác nhau: Đồng bằng sông Hồng (Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc...); các tỉnh miền núi phía Bắc (Điện Biên, Phú Thọ); Các tỉnh Bắc Trung bộ (Thanh Hóa, Nghệ An); Các tỉnh miền Trung Tây Nguyên (Quảng Nam, Bình Định) từ năm 2012 đến 2014. Nhiều hội nghị tham quan đầu bờ về giống TBR225 đã được tổ chức ở các địa phương

như: Hạ Hòa - Phú Thọ, Vụ Bản - Nam Định... (vụ Xuân 2013), Lý Nhân - Hà Nam (vụ Mùa 2013), Diễn Châu - Nghệ An, Quảng Xương - Thanh Hóa (vụ Xuân 2014), Phước Hưng - Phước Lộc - Bình Định, Duy Xuyên - Quảng Nam (vụ Xuân 2014, vụ Mùa 2014), Thuận Thành - Bắc Ninh (vụ Xuân 2015), Kiến Xương - Thái Bình (vụ Mùa 2015). Ở tất cả các địa điểm sản xuất thử đều được nông dân chấp nhận mở rộng diện tích gieo cấy vào các vụ sau đó.

Kết quả sản xuất thử ở bảng 6 và 7 cho thấy: Hầu hết ở tất cả các vùng, giống lúa TBR225 đều cho năng suất khá cao, cao hơn đối chứng là các giống cây chủ lực ở địa phương, có thời gian sinh trưởng tương đương. Ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng, năng suất vụ xuân đạt từ 68 - 78 tạ/ha, cao hơn đối chứng khoảng 15%; năng suất vụ mùa đạt từ 56,5 - 63,7 tạ/ha, vượt so với KD18 từ 12,3 - 46,7%. Tại các tỉnh Trung bộ, năng suất vụ Đông xuân đạt từ 60 - 81 tạ/ha, cao hơn so với đối chứng từ 5,3 - 24,6%; vụ Hè và Hè thu năng suất đạt từ 56,5 - 63,7 tạ/ha, cao hơn đối chứng từ 12,4 - 46,7%. Kết quả thử nghiệm ở một số tỉnh Nam bộ cũng cho năng suất khá cao: Tiền Giang đạt 7,23 tấn/ha, Thái Lai 6,87 tấn/ha, Kiên Giang 6,73 tấn/ha.

Bảng 6. Thời gian sinh trưởng, khả năng chống chịu và năng suất của giống TBR225 tại một số tỉnh năm 2013 trong khảo nghiệm sản xuất

Địa điểm sản xuất thử	Tên giống	TGST (ngày)	Đạo ôn (điểm)	Khô vằn (điểm)	Rầy (điểm)	Chống đổ (điểm)	NSTT (tạ/ha)	NSTT vượt đ/c (%)
<i>Vụ Xuân 2013</i>								
Hoài Nhơn, Bình Định	TBR225	105	0 - 1	0 - 1	0 - 1	3	70	18,6
	ĐV108 (đ/c)	102	3 - 5	3 - 5	3 - 5	3	59	
Duy Xuyên, Quảng Nam	TBR225	107	1 - 2	1 - 3	-	5	74	37,0
	KD18(đ/c)	102	1 - 2	3 - 5	-	-	54	
Diễn Châu, Nghệ An	TBR225	132	-	-	-	-	72,6	14,3
	KD18(đ/c)	129	-	-	-	-	63,5	
Quảng Xương, Thanh Hóa	TBR225	132	0 - 1	0 - 1	0 - 1	1	73,5	13,1
	KD18(đ/c)	130	0 - 1	1 - 3	0 - 1	5	65,0	
Yên Khánh, Ninh Bình	TBR225	120	-	1	-	-	70,3	22,9
	LT2 (đ/c)	117	-	1	-	-	57,2	
Giao Thủy, Nam Định	TBR225	119	1	3	-	1	92,6	52,0
	BT7 (đ/c)	120	3	3	-	3	60,9	
Ấn Thi, Hưng Yên	TBR225	120	-	-	-	-	70,2	11,3
	KD18(đ/c)	125	-	-	-	-	63,1	
Hạ Hòa, Phú Thọ	TBR225	135	-	1	-	-	70,8	29,4
	KD18(đ/c)	128	-	1	-	-	54,7	
<i>Vụ Mùa 2013</i>								
Lý Nhân, Hà Nam	TBR225	103		1 - 3	-	khá	70,5	18,1
	KD18(đ/c)	100		1 - 3	-	-	59,7	

Giống lúa TBR225 có thời gian sinh trưởng khá ngắn, ở miền Bắc vụ xuân không quá 135 ngày, vụ mùa không quá 110 ngày, ở các tỉnh từ Đà Nẵng trở vào vụ Đông xuân không quá 110 ngày, vụ Hè thu không quá 100 ngày. Giống cứng cây, chống đổ tốt, đẻ nhánh khá; nhiệm nhẹ đạo ôn, nhiệm trung bình khô vằn, bạc lá.

Từ kết quả trên cho thấy, giống lúa TBR225 có khả năng thích ứng rất rộng ở nhiều miền, vùng sinh thái khác nhau trong cả nước.

Giống lúa TBR225 đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận sản xuất thử theo Quyết định số 458/QĐ - TT - CLT ngày 08 tháng 10 năm 2013. Giống lúa TBR225 tham gia vào dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước: “*Sản xuất thử giống lúa TBR225 tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung*” Mã số: KC.06.DA24/11 - 15. Giống TBR225 đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận chính thức

theo Quyết định số 202/QĐ - TT - CLT, ngày 9 tháng 6 năm 2015.

4. KẾT LUẬN

TBR225 là giống lúa cảm ôn, có thời gian sinh trưởng ngắn: Ở miền Bắc vụ Xuân từ 125 - 135 ngày, vụ Mùa từ 100 - 105 ngày. Ở các tỉnh từ Đà Nẵng trở vào vụ Đông xuân từ 105 - 110 ngày, vụ Hè Thu từ 100 - 105 ngày.

TBR225 đẻ nhánh khá, lá đứng, cứng cây, trổ bông tập trung, bông to dài, có tính thích ứng rộng, chịu thâm canh, chống chịu với điều kiện thời tiết bất thuận và sâu bệnh hại khá tốt.

TBR225 có tiềm năng năng suất cao. Năng suất vụ xuân trung bình đạt 60 - 75 tạ/ha, vụ mùa 58 - 64 tạ/ha, vượt so với Khang dân 18 khoảng 10%. Trong điều kiện thâm canh cao, TBR225 có khả năng cho năng suất 80 - 90 tạ/ha. TBR225 có hạt gạo trong, cơm mềm, dẻo, thơm ngon.

Bảng 7. Thời gian sinh trưởng, khả năng chống chịu và năng suất của giống TBR225 tại một số tỉnh năm 2014 trong thí nghiệm sản xuất thử

Địa điểm sản xuất	Tên giống	TGST (ngày)	Đạo ôn (điểm)	Khô vằn (điểm)	Rầy nâu (điểm)	Chống đổ (điểm)	NSTT tạ/ha	NSTT vượt so đ/c (%)
<i>Vụ Đông xuân 2013 - 2014</i>								
Phước Lộc, Bình Định	TBR225	114	1	1 - 3	-	khá	73,6	8,2
	ĐV108 (đ/c)	113	1 - 2	3 - 5	-	-	68,0	
Phước Hưng, Bình Định	TBR225	115	1	1 - 3	-	khá	74,0	8,8
	ĐV108 (đ/c)	113	1 - 2	3 - 5	-	-	68,0	
Duy Xuyên, Quảng Nam	TBR225	119	1	3	1	1	60,0	5,3
	HT1 (đ/c)	115	1 - 2	3 - 5	1	5	57,0	
Quảng Ninh, Quảng Bình	TBR225	120	0 - 1	-	-	1	68,9	17,8
	KD18 (đ/c)	117	-	-	-	3	58,5	
Nam Đàn, Nghệ An	TBR225	129	-	-	-	-	81,0	24,6
	KD18 (đ/c)	122	-	-	-	-	65,0	
Diễn Châu, Nghệ An	TBR225	135	-	-	-	-	70,8	19,4
	KD18 (đ/c)	132	-	-	-	-	59,3	
Quảng Xương, Thanh Hóa	TBR225	135	0 - 1	0 - 1	0 - 1	1	75,3	22,2
	KD18 (đ/c)	130	0 - 1	1 - 3	0 - 1	5	61,6	
Tiên Lữ, Hưng Yên	TBR225	135	0 - 1	1 - 3	0 - 1	1	68,5	15,1
	KD18 (đ/c)	131	1 - 3	3 - 5	1 - 3	5	59,5	
Bình Lục, Hà Nam	TBR225	126	0 - 1	1 - 3	1 - 3	0 - 1	70,4	15,6
	KD18 (đ/c)	124	1 - 3	3 - 5	1 - 3	3	60,9	
Đông Triều, Quảng Ninh	TBR225	126	-	-	-	-	78,5	15,7
	KD18 (đ/c)	123	-	-	-	-	67,8	
<i>Vụ Hè thu 2014</i>								
Duy Xuyên, Quảng Nam	TBR225	96	1	3	1	1	58,5	9,3
	HT1 (đ/c)	91	1 - 2	3 - 5	1	5	53,5	
<i>Vụ Mùa 2014</i>								
Quảng Xương, Thanh Hóa	TBR225	108	0	0 - 1	0	1	62,0	25,0
	KD18(đ/c)	103	0	1 - 3	0 - 1	5	49,6	
Tiên Lữ, Hưng Yên	TBR225	110	-	1 - 3	1 - 3	1	63,5	15,8
	KD18 (đ/c)	105	-	3 - 5	1 - 3	5	54,8	
Thanh Oai, Hà Nội	TBR225	110	-	1 - 3	0 - 1	-	63,7	46,7
	KD18 (đ/c)	105	-	1 - 3	0 - 1	-	43,4	
Yên Khánh, Ninh Bình	TBR225	106	-	1	-	-	56,5	12,4
	KD18 (đ/c)	104	-	1	-	-	50,3	

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành báo cáo này chúng tôi xin tỏ lòng cảm ơn đến Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng và phân bón quốc gia đã cung

cấp số liệu khảo nghiệm VCU và DUS; Trung tâm khuyến nông các tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Điện Biên, Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Bình Định...

đã giúp đỡ khảo nghiệm sản xuất giống TBR225. Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các chuyên gia chọn tạo giống lúa của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã có những góp ý quý báu trong việc hình thành bản thảo để có được công bố này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Thị Vân Anh, Trịnh Văn Hưng, Lê Văn Chung (2015). Báo cáo tổng kết mô hình sản xuất thử giống lúa TBR225 tại Thanh Hóa. Sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hóa.
- Trần Mạnh Báo, Trần Thị Hợp, Trần Thị Tiệc, Nguyễn Thị Nhung (2015). Báo cáo kết quả nghiên cứu, chọn tạo giống lúa TBR225. Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp & PTNT.
- Nguyễn Trọng Khanh, Nguyễn Văn Hoan (2014). Xác định sở thích của người tiêu dùng về chất lượng gạo ở vùng Đồng bằng sông Hồng. Tạp chí Khoa học và Phát triển, 12(8): 1192 - 1201.
- Nguyễn Thanh Phong (2015). Báo cáo tổng kết mô hình sản xuất thử giống lúa TBR225 tại Thái Bình. Trung tâm Khuyến nông Thái Bình.
- Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón quốc gia miền Bắc và miền Trung (2014). Báo cáo kết quả khảo nghiệm VCU năm 2012, 2013, tr. 4-5.
- Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng quốc gia (2014). Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS vụ mùa 2013, tr. 3.
- Nguyễn Thanh Tùng, Phạm Văn Cường, Nguyễn Quốc Trung, Nguyễn Thị Mai Phương và Nguyễn Văn Hoan (2013). Đánh giá sự đa dạng di truyền nguồn gen cây lúa. Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 20: 3 - 8.